

ĐỀ ÁN

Cải tạo vườn tạp trên địa bàn huyện Hướng Hóa giai đoạn 2024 - 2028

I. SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Kinh tế vườn hộ là một bộ phận của kinh tế hộ gia đình trong sản xuất nông nghiệp, việc tận dụng, sử dụng và cải tạo vườn hộ gia đình đã góp phần tăng thu nhập cho người dân. Tuy nhiên, trong những năm qua, việc sử dụng đất vườn của một bộ phận người dân trên địa bàn huyện Hướng Hóa chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh sẵn có của địa phương, người dân vẫn còn tình trạng vườn hộ gia đình không được cải tạo, còn để vườn tạp, hiệu quả kinh tế thấp, chưa thực sự tạo sinh kế, tăng thu nhập hằng năm cho hộ gia đình. Nếu được chú trọng cải tạo, chuyển đổi cơ cấu cây trồng hợp lý, cùng với áp dụng khoa học kỹ thuật vào diện tích vườn hộ sẽ đem lại nguồn thu nhập ổn định cho hộ gia đình, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng cuộc sống hằng ngày của hộ gia đình một cách bền vững, cũng như tạo ra các sản phẩm hàng hóa đặc trưng từ nông nghiệp, thực hiện chương trình OCOP, đáp ứng nhu cầu thiết yếu của người dân, góp phần xây dựng nông thôn mới.

Vì vậy việc cải tạo, phát triển kinh tế vườn hộ để tạo sinh kế cho người dân, là nhiệm vụ quan trọng nhằm cụ thể hóa và thực hiện Chương trình hành động số 38-CTr/HU ngày 22/3/2022 của Huyện ủy thực hiện Kết luận số 168-KL/TU ngày 04/11/2021 của Tỉnh ủy “Về tiếp tục đẩy mạnh tái cơ cấu nông nghiệp giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị”, góp phần thực hiện một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 01/8/2020 của Đại hội Đảng bộ huyện Hướng Hóa lần thứ XVII nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã đề ra.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Luật Trồng trọt ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông;

Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Quyết định số 255/QĐ-TTg ngày 25/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025;

Quyết định số 340/QĐ-TTg ngày 12/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2030;

Nghị quyết số 03-NQ/TU, ngày 04/11/2021 của Tỉnh ủy về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, định hướng

đến năm 2030;

Nghị quyết số 37/2020/NQ-HĐND ngày 23/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị quy định nội dung và mức chi hỗ trợ hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Kết luận số 168-KL/TU ngày 04/11/2021 của Tỉnh ủy về tiếp tục đẩy mạnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Chương trình hành động số 14/CT-UBND ngày 08/3/2022 của UBND tỉnh về việc thực hiện Kết luận số 168-KL/TU ngày 04/11/2021 của Tỉnh ủy về tiếp tục đẩy mạnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Nghị quyết số 162/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh quy định chính sách hỗ trợ phát triển một số cây trồng, vật nuôi tạo sản phẩm chủ lực có lợi thế cạnh tranh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022-2026;

Nghị quyết số 99/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Quảng Trị quy định về nội dung, mức hỗ trợ trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Quyết định số 2504/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 của UBND tỉnh Quảng Trị về ban hành Bộ tiêu chí xây dựng vườn mẫu nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022-2025;

Quyết định số 939/QĐ-UBND ngày 15/5/2023 của UBND tỉnh Quảng Trị ban hành hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 99/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Quảng Trị quy định về nội dung, mức hỗ trợ trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 01/8/2020 của Đại hội Đảng bộ huyện Hướng Hóa lần thứ XVII nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Chương trình hành động số 29-CTr/HU ngày 22/12/2021 của Huyện ủy về thực hiện Nghị quyết 03-NQ/TU ngày 04/11/2021 của Tỉnh ủy về thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

Chương trình hành động số 38-CTr/HU ngày 22/3/2022 của Huyện ủy thực hiện Kết luận số 168-KL/TU ngày 04/11/2021 của Tỉnh ủy “Về tiếp tục đẩy mạnh tái cơ cấu nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị”;

Kế hoạch số 275/KH-UBND ngày 12/12/2022 của UBND huyện về hỗ trợ thực hiện các mô hình sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện Hướng Hóa năm 2022-2023;

Kế hoạch số 566/KH-UBND ngày 19/10/2021 của Ủy ban nhân dân huyện về Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025;

Kế hoạch số 256/KH-UBND ngày 06/05/2022 của UBND huyện về triển khai thực hiện Kế hoạch số 57/KH-UBND ngày 30/3/2022 của UBND tỉnh về việc thực hiện Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

III. KHÁI QUÁT ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN - KINH TẾ XÃ HỘI VÀ THỰC TRẠNG KINH TẾ VƯỜN HỘ GIA ĐÌNH

1. Khái quát điều kiện tự nhiên - kinh tế xã hội

Hướng Hoá là huyện miền núi, vùng cao phía Tây của tỉnh Quảng Trị, có đường biên giới dài 126,6 km tiếp giáp với nước Cộng hòa dân chủ Nhân dân Lào; là địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng về kinh tế, chính trị, quốc phòng - an ninh. Dân số đến cuối năm 2022 có trên 94 nghìn người với 03 dân tộc chủ yếu là Vân Kiều, Pa Kô và Kinh. Tổng diện tích tự nhiên hơn 1.152km²; có vị trí quan trọng trên tuyến Hành lang kinh tế Đông - Tây nối liền Việt Nam với các nước Lào, Thái Lan, Myanmar qua cửa khẩu quốc tế Lao Bảo đến các cảng Miền Trung như Cửa Việt, Mỹ Thủy, Chân Mây, Đà Nẵng, Vũng Áng.

Hướng Hóa mang những nét điển hình của khí hậu nhiệt đới gió mùa, vừa có đặc trưng riêng của một tiểu vùng giao thoa khí hậu nhiệt đới gió mùa và khí hậu lục địa trên đỉnh Trường Sơn. Nhiệt độ trung bình năm khoảng 22,5⁰C, thấp hơn nhiệt độ bình quân của các vùng trong tỉnh từ 2-3⁰C. Lượng mưa bình quân 1.850mm/năm, độ ẩm không khí trung bình khoảng 88,5%. Đặc trưng của địa hình Hướng Hóa là bị chia cắt mạnh bởi hệ thống sông suối dọc theo 2 sườn Đông và Tây Trường Sơn, do đó việc phát triển giao thông, mạng lưới điện cũng như tổ chức sản xuất của huyện gặp khó khăn nhất định. Hướng Hóa có lợi thế kinh tế phát triển kinh tế, xã hội khá toàn diện trên tất cả các lĩnh vực: Nông, lâm nghiệp, thương mại, dịch vụ, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, đời sống của người dân ngày càng được nâng lên.

Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được tăng cường đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển mọi mặt của đời sống xã hội. Những cây trồng có giá trị kinh tế cao đã được phát triển, mở rộng diện tích, đặc biệt là cà phê Arabica. Bên cạnh đó, các loại cây trồng mang lại hiệu quả kinh tế cao cũng được các nhà đầu tư mở rộng như cây macca, chanh leo, các loại cây ăn quả và cây dược liệu... Phát triển năng lượng điện gió, thủy điện tại Hướng Hoá cũng được quan tâm. Hiện nay, Hướng Hoá trở thành trung tâm năng lượng tái tạo của toàn tỉnh.

Huyện Hướng Hóa có 19 xã và 02 thị trấn với 149 khối, thôn, bản; trong đó có 14 xã thuộc khu vực III, có 11 thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; có 22.942 hộ với 94.960 khẩu, trong đó người DTTS có 10.519 hộ (Vân Kiều 9375 hộ; Pa cô 1.141 hộ, khác 03 hộ); có 6.768 hộ nghèo, có 1.603 hộ cận nghèo.

2. Thực trạng kinh tế vườn hộ gia đình

Qua kiểm tra rà soát, toàn huyện có 952,5 ha là diện tích đất vườn/3.815 hộ gia đình có diện tích đất vườn được sử dụng chưa hiệu quả. Trong đó có 744,6ha/2.492hộ có nhu cầu cải tạo vườn tạp. Tại các vùng thuận lợi các xã, thị trấn: Khe Sanh, Lao Bảo, Tân Liên, xã Tân Hợp, Tân Lập...có diện tích vườn hộ nhỏ, tương đối bằng phẳng, điều kiện canh tác thuận lợi, diện tích đất vườn cơ bản đã được rào bao quanh, các hộ chủ yếu trồng xen canh các loại cây ăn quả và cây công nghiệp, các loại rau, củ, (cà phê, mít, bơ, bắp, đậu, khoai, rau cải, đậu, bí...). Tuy nhiên, diện tích vườn hộ của một bộ phận người dân chưa được quy hoạch bài bản, còn để vườn tạp, cơ cấu cây trồng nhiều loại nhưng chưa tạo thu nhập cao cho các hộ.

Tại các xã vùng khó khăn các xã: Hướng Linh, Hướng Việt, Hướng Lập, Ba Tầng, A Dơi, Xy, Lia, Thanh, Thuận, Hướng Lộc... chủ yếu là người DTTS, một số thôn, bản người dân có phong tục tập quán sống quần cư, diện tích vườn lớn, nhưng chưa được rào xung quanh hoặc rào tạm, để đất trống nhiều, một số ít hộ gia đình trồng xen một số loại cây như xoài, nhãn, vải... Các sản phẩm từ vườn hộ chưa đáp ứng được nhu cầu cải thiện bữa ăn hằng ngày của người dân, giá trị kinh tế thấp, kém hiệu quả.

Qua đánh giá phân tích cho thấy kinh tế vườn hộ gia đình chưa được phát huy, còn để đất trống nhiều; việc bố trí cơ cấu cây trồng, vật nuôi chưa hợp lý; tập quán canh tác còn lạc hậu, năng suất thấp. Nguyên nhân của thực trạng trên là công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, điều hành của chính quyền có lúc chưa kịp thời, một số hộ dân chưa chú trọng việc cải tạo vườn; một bộ phận chưa có tính chủ động vươn lên, chậm trong việc thay đổi nếp nghĩ, cách làm, chưa đầu tư thâm canh, áp dụng khoa học, công nghệ kỹ thuật vào sản xuất; chưa biết lựa chọn cây trồng, vật nuôi phù hợp.

Từ thực trạng vườn tạp hiện nay cho thấy nhu cầu cải tạo và nâng cao chất lượng sản phẩm nông nghiệp là rất cần thiết để nâng cao hiệu quả sản xuất. Tình trạng không đồng đều về giống, không thực hiện đầy đủ quy trình kỹ thuật thâm canh, chăm bón tùy tiện đã dẫn đến sự chênh lệch khá lớn về năng suất và chất lượng sản phẩm. Do đó thu nhập của người làm vườn thấp, không có điều kiện đầu tư thâm canh. Người làm vườn cần chủ động cải tạo vườn tạp để vườn nhà có năng suất cao, chất lượng tốt, đạt yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm, làm tăng thu nhập cho gia đình và góp phần cải thiện môi trường sinh thái.

Để khai thác hiệu quả các diện tích đất vườn hiện có, giúp Nhân dân chuyển đổi các loại cây trồng phù hợp, Ủy ban nhân dân huyện ban hành Đề án “Cải tạo, vườn tạp trên địa bàn huyện Hướng Hóa giai đoạn 2024 - 2028”, với những nội dung như sau:

IV. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU ĐỀ ÁN:

1. Quan điểm

- Cải tạo, phát triển kinh tế vườn hộ phải được triển khai thực hiện một cách đồng bộ ở tất cả các xã, thị trấn và cộng đồng dân cư đến người nông dân; có lộ trình

cụ thể, với quan điểm “dễ làm trước, khó làm sau”, không hô hào hình thức, không thành tích mà phải bằng sản phẩm và mô hình cụ thể, thiết thực phù hợp với điều kiện của từng hộ, từng khu dân cư và từng vùng.

- Người dân, hộ gia đình là chủ thể và là người trực tiếp thực hiện việc cải tạo, phát triển kinh tế vườn hộ; các cấp ủy, chính quyền, Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội từ huyện đến thôn và cán bộ, đảng viên phải vào cuộc, tham gia phụ trách, giúp đỡ, tuyên truyền, định hướng, hướng dẫn để người dân thực hiện, mục tiêu cốt lõi là thay đổi tư duy và phương pháp chăn nuôi, trồng trọt trên chính mảnh vườn của mình, từ đó cải thiện nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày, tạo sinh kế, nâng cao thu nhập, giảm nghèo bền vững.

- Ưu tiên hỗ trợ cho những hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn cải tạo, phát triển kinh tế vườn. Ưu tiên nguồn lực huy động, lồng ghép từ các chương trình mục tiêu, nguồn vốn để hỗ trợ cho các đối tượng trên cải tạo, phát triển kinh tế vườn hộ.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát

- Khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế để phát triển kinh tế vườn hộ phù hợp với quy mô, đặc điểm của từng vườn và từng vùng; nâng giá trị thu nhập trên đơn vị diện tích trồng trọt so với trước khi tiến hành cải tạo; gắn với việc thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

- Thay đổi nếp nghĩ, cách làm của người dân về sản xuất nông nghiệp; chuyên đổi cây trồng có giá trị kinh tế thấp sang cây trồng có giá trị kinh tế cao hơn; áp dụng, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Khuyến khích, tạo điều kiện để người dân tham gia vào các chuỗi liên kết sản xuất hàng hóa, tham gia Tổ hợp tác, Hợp tác xã, câu lạc bộ, hội, nhóm sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp để phát triển sản xuất.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Giai đoạn 2024 - 2025: Mỗi xã, thị trấn chọn từ 01 - 02 thôn/khối/bản để xây dựng mô hình điểm và nhân rộng trong những năm tiếp theo.

- Phần đầu đến năm 2028, toàn huyện có 60% diện tích số vườn (khoảng 590 ha/1.110 hộ) được cải tạo và mang lại hiệu quả kinh tế. Trên địa bàn huyện có từ 21 - 23 vườn mẫu đạt chuẩn nông thôn mới.

V. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Phạm vi

Đề án tập trung đối với những hộ gia đình có diện tích đất vườn, cây trồng kém hiệu quả trên địa bàn huyện. Ngoài ra, tuyên truyền vận động Nhân dân chủ động tự chuyển một số diện tích đất vườn tạp kém hiệu quả sang trồng cây trồng khác có hiệu quả kinh tế phù hợp với thị trường tiêu thụ nông lâm sản trên địa bàn.

- Các loại cây ăn quả (xoài, vải, nhãn, bơ, mít, sầu riêng, ổi, vú sữa...) tập trung tại các xã vùng Lìa và một số xã, thị trấn khác.

- Các loại cây ngắn ngày (Hoa màu, ngô, gừng, nghệ, cây dược liệu...) tập trung tại các xã dọc Tuyến đường 9 và một số xã, thị trấn khác.

- Các loại cây che bóng, trồng phân tán (mắc ca, trâu, xoan...) tập trung các xã phía Bắc và một số xã, thị trấn khác.

2. Đối tượng

Các hộ gia đình, cá nhân có diện tích đất vườn có cây trồng kém hiệu quả tự nguyện đăng ký cải tạo vườn tạp.

VI. NỘI DUNG GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Nội dung cải tạo vườn tạp

1.1. Về giống

- Kiểm tra các giống cây trồng hiện có trong vườn, xác định những cây nào, giống nào cần được cải tạo, chặt bỏ hoặc giữ lại.

- Đối với giống cây đưa vào cải tạo phải là giống chuẩn, có chất lượng tốt, năng suất ổn định, ít sâu bệnh và có khả năng rải vụ.

- Xác định cây cần cải tạo: Những cây trồng nhiều năm không ra quả hoặc ra quả ít. Những cây ra quả nhưng quả nhỏ, chất lượng quả kém, mẫu mã xấu, nhiều hạt hoặc hạt to. Những cây bị nhiễm bệnh, bị sâu hại không có khả năng phục hồi.

1.2. Về đất vườn và hệ thống tưới tiêu

Nhìn chung các vườn tạp có đất không được bồi bổ cải tạo thường xuyên. Hàng năm lượng phân bón hữu cơ cho cây rất thiếu, phân vô cơ bón vừa thiếu vừa không hợp lý, thiếu lân, vôi khử chua, thiếu nguyên tố vi lượng khiến hệ vi sinh vật trong đất hoạt động khó khăn, không đủ chất dinh dưỡng cho cây. Hậu quả là vườn cây ngày một già cỗi và thoái hóa. Ở các vườn tạp hệ thống tưới tiêu cũng không được hoàn chỉnh, về mùa khô không giữ được độ ẩm cho cây, về mùa mưa cây bị ngập úng do thoát nước khó khăn, sâu bệnh tăng lên làm cho sinh trưởng kém, năng suất thấp, thậm chí còn làm cho cây bị chết.

Thường xuyên bồi bổ làm tăng độ mùn trong đất là rất cần thiết bằng biện pháp tăng cường bổ sung phân hữu cơ cho cây, bổ sung đất phù sa, đất ao cho vườn. Khai thông mương rạch để mùa mưa nước không bị ngập úng. Phải có hệ thống mương máng, ao tích nước tưới trong mùa khô hanh.

1.3. Về kỹ thuật canh tác

Cùng với việc sử dụng giống tốt, sạch bệnh, cần chú trọng tới biện pháp canh tác, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật thâm canh phù hợp với từng giống cây từ khâu làm đất, đào hố, mật độ trồng đến việc bón phân, tưới nước, tỉa cành tạo tán, bảo vệ thực vật, trồng xen, trồng gối, thu hoạch và bảo quản.

Chủ vườn cần căn cứ vào điều kiện khí hậu, đất đai, tập quán canh tác, thị hiếu người tiêu dùng, khả năng tiêu thụ sản phẩm của từng vùng để điều chỉnh cho phù hợp.

2. Phương pháp cải tạo vườn tạp

2.1. Đối với các giống, các loại cây trồng đã xác định cho là giống chuẩn, chất lượng tốt, năng suất cao cần được giữ lại và tiến hành các bước cải tạo như sau

- Cắt tỉa cành hàng năm: Dùng kéo cắt bớt cành trong tán, cành vượt, cành bị sâu bệnh, cành tăm. Việc cắt tỉa phải được tiến hành sau khi thu hoạch quả hàng năm. Cắt tỉa hàng năm sẽ tạo lại dáng cho cây, tán cây có hình mâm xôi đều về 4 hướng.

- Bón phân: Sau khi cắt tỉa xong phải tiến hành bón phân ngay, bón phân xung quanh tán cây. Dưới hình chiếu của tán, dùng cuốc, xẻng đào sâu khoảng 20 - 25 cm, rộng 25 - 30 cm xung quanh tán. Sau đó dùng phân chuồng hoai mục (khoảng 25 - 30 kg/cây) trộn lẫn với phân hỗn hợp NPK (0,5 - 1 kg/cây) bón đều vào rãnh đã đào, lấp kín đất. Có thể dùng phân pha loãng, phân vi sinh tưới trực tiếp vào rãnh xung quanh tán cây.

2.2. Đối với các giống, các loại cây trồng có quả nhưng chất lượng kém hoặc không ra quả

Loại cây này cần được cải tạo, thay thế bằng các giống khác có phẩm chất ngon, năng suất ổn định. Phương pháp cải tạo là:

- Chặt bỏ cây cũ, vệ sinh vườn và trồng lại giống mới có phẩm chất ngon, năng suất ổn định, được thị trường chấp nhận. Phương pháp này sẽ cho thu hoạch sau từ 3 - 4 năm.

- Ghép cải tạo giống mới lên trên giống cũ theo phương pháp ghép nối cành hoặc cưa đốn thấp cây cách mặt đất khoảng 0,8 m - 1 m tùy từng loại cây, để cho gốc cây bật mầm mới, chăm sóc mầm cho tới khi đủ điều kiện ghép cải tạo. Dùng cành ghép từ những cây khỏe mạnh, không sâu bệnh, có năng suất ổn định, phẩm chất tốt để ghép lên những cây cải tạo. Sau khi đốn, ghép cải tạo phải chú ý đến bổ sung dinh dưỡng, phòng trừ sâu bệnh cho cây. Ngoài việc bón phân qua rễ hàng năm, cần bón bổ sung dinh dưỡng qua lá bằng các loại phân như Atonik, Komic... theo hướng dẫn ghi trên nhãn sản phẩm. Phương pháp này thường đem lại hiệu quả cao, cây sớm cho quả hơn so với trồng mới

2.3. Đối với những cây già cỗi không có khả năng phục hồi, không còn khả năng cho quả thì nên chặt bỏ, đào hết rễ của cây cũ, cải tạo đất, có thể dùng vôi bột để xử lý mầm bệnh có từ rễ cây cũ, phơi đất khoảng 20 - 25 ngày sau đó đào hố trồng cây mới.

3. Giải pháp thực hiện

3.1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt triển khai thực hiện

- Đẩy mạnh công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền từ huyện đến cơ sở; tổ chức hội nghị phổ biến, quán triệt nghị quyết nhằm nâng cao nhận thức vai

trò quan trọng của kinh tế vườn cho cán bộ, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên và Nhân dân trên địa bàn huyện.

- Tăng cường công tác tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về phương thức lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền, cách làm hay, hiệu quả, mô hình cải tạo vườn hộ có hiệu quả của hộ gia đình để các địa phương, các hộ khác tham quan, học tập kinh nghiệm, lan tỏa và làm theo. Phân công đoàn viên, hội viên tham gia giúp đỡ hộ nghèo, hộ cận nghèo cải tạo vườn hộ.

- Chỉ đạo cấp ủy, chính quyền xã, thị trấn tiến hành thành lập Tổ công tác cấp xã, thị trấn; chọn thôn thực hiện làm mô hình điểm trong năm 2024 - 2025, sau đó đánh giá và rút kinh nghiệm nhân rộng mô hình trong những năm tiếp theo.

- Huy động cả hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở vào cuộc chung tay giúp đỡ người dân, đặc biệt hộ nghèo, hộ cận nghèo cải tạo vườn hộ bằng những việc làm thiết thực như giúp đỡ ngày công lao động, hỗ trợ vật tư, giống phân bón; hỗ trợ áp dụng khoa học, kỹ thuật, công nghệ, xúc tiến kết nối tiêu thụ sản phẩm.

3.2. Công tác sắp xếp, bố trí lại vườn hộ gắn với công tác chỉnh trang khu dân cư theo quy hoạch xây dựng nông thôn mới

- Sắp xếp bố trí cấu trúc lại không gian vườn hộ một cách hợp lý, khoa học, phù hợp với quy mô vườn của từng hộ, đặc điểm, tính chất của từng vùng gắn với công tác chỉnh trang khu dân cư theo quy hoạch xây dựng nông thôn mới.

- Hỗ trợ xây dựng mô hình điểm tại các xã, thị trấn đảm bảo vườn hộ được chỉnh trang, không còn các loại cây dại, cây tạp, bố trí và trồng các loại cây trồng phù hợp, hiệu quả, có thu nhập, góp phần đảm bảo việc xây dựng vệ sinh môi trường sinh thái nông thôn “*xanh - sạch - đẹp*” giữa nhà ở - khu vực chăn nuôi - vườn hộ.

3.3. Cải tạo đất vườn, cơ cấu lại giống cây trồng, vật nuôi hợp lý, mang lại hiệu quả kinh tế cao

- Tổ chức phát động phong trào chỉnh trang, phát triển kinh tế vườn của các hộ gia đình rộng rãi trong Nhân dân, gắn với xây dựng vườn mẫu, khu dân cư mẫu trong xây dựng Nông thôn mới gắn với việc thực hiện các phong trào, cuộc vận động như Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh; Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới; Làm thay đổi nếp nghĩ cách làm của đồng bào dân tộc thiểu số, làm cho đồng bào dân tộc thiểu số vươn lên thoát nghèo bền vững,... nhằm tạo khí thế, phấn khởi để Nhân dân tích cực tham gia hưởng ứng thực hiện ngay từ thời gian đầu thực hiện nghị quyết.

- Cơ cấu lại giống cây trồng, vật nuôi có chu kỳ sản xuất ngắn, đưa các cây, con giống tốt có năng suất vào sản xuất như rau, củ, quả, nấm, cây dược liệu; phát triển chăn nuôi lợn, dê, gia cầm, thủy sản ở những nơi có điều kiện để tăng thu nhập cho người dân, đặc biệt là hộ nghèo, hộ cận nghèo.

3.4. Thực hiện mô hình liên kết giữa các hộ trong cùng một thôn hoặc cụm dân cư để hình thành vùng sản xuất hàng hóa gắn với thị trường tiêu thụ sản phẩm

- Thực hiện bố trí, cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp và hình thành chuỗi liên

kết giữa các hộ liền kề trong cùng một thôn, thôn liền kề để tạo nên vùng sản xuất hàng hóa góp phần xây dựng sản phẩm đặc trưng (OCOP) của từng địa phương.

- Thúc đẩy hình thành các Hợp tác xã, tổ hợp tác, chuỗi sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; khuyến khích hình thành các câu lạc bộ, tổ hội nghề nghiệp, nhóm liên kết theo ngành, nghề để phát triển kinh tế.

3.5. Ứng dụng khoa học kỹ thuật, khuyến nông và tiêu thụ sản phẩm

- Đẩy mạnh việc ứng dụng khoa học, kỹ thuật vào sản xuất; khuyến khích Nhân dân chuyển đổi những diện tích cây trồng có hiệu quả kinh tế thấp sang trồng cây, nuôi con có giá trị kinh tế cao phù hợp với điều kiện sản xuất của các hộ dân và điều kiện tự nhiên của địa phương.

- Phát huy vai trò của lực lượng Tổ khuyến nông cộng đồng và khuyến nông viên ở cơ sở, các Trạm Khuyến nông, Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật huyện để chuyển giao khoa học kỹ thuật, tư vấn, giới thiệu, cung ứng giống cây trồng đảm bảo chất lượng, có đủ độ tin cậy cho người dân.

- Tiến hành phổ biến kiến thức làm vườn; triển khai các mô hình trình diễn, hội nghị đầu bờ, tham quan thực tế trên vườn hộ. Hướng dẫn người dân áp dụng các biện pháp thâm canh, sử dụng phân bón một cách hợp lý, sử dụng chế phẩm sinh học để tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế đối với cây trồng.

3.6. Vận dụng tạo cơ chế, chính sách và nguồn lực thực hiện

- Đẩy mạnh công tác xã hội hóa việc hỗ trợ cải tạo vườn hộ bằng cách huy động sự vào cuộc của cấp ủy, chính quyền, Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội từ huyện đến xã, thôn, tổ dân phố phụ trách trực tiếp giúp đỡ hộ nghèo, hộ cận nghèo cải tạo, chỉnh trang lại vườn hộ, áp dụng khoa học, công nghệ kỹ thuật vào sản xuất để phát triển kinh tế vườn có hiệu quả.

- Bố trí ngân sách hợp lý và lồng ghép các nguồn vốn từ chương trình khuyến nông, sự nghiệp nông nghiệp; các chương trình mục tiêu quốc gia; ngân sách địa phương, huy động các nguồn vốn khác,... để hỗ trợ chuyển đổi cây trồng, vật nuôi có hiệu quả kinh tế cao, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, phát triển kinh tế vườn, nhất là các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào DTTS trên địa bàn.

- Vận dụng các cơ chế, chính sách về hỗ trợ cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo của Trung ương, tỉnh phù hợp với điều kiện thực tế của huyện. Tạo điều kiện và khuyến khích Nhân dân vay vốn từ các ngân hàng để đầu tư chỉnh trang, cải tạo diện tích vườn không hiệu quả nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất, tăng thu nhập vươn lên thoát nghèo bền vững và làm giàu từ kinh tế vườn, tránh tư tưởng trông chờ ỷ lại vào sự hỗ trợ của nhà nước.

3.7. Đẩy mạnh chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, công nghệ cao. Sản xuất theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ, xây dựng sản phẩm OCOP

Xây dựng và triển khai kế hoạch ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ vào sản xuất. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học, tự động hóa, công nghệ tưới tiết kiệm, chuyển đổi số trong nông nghiệp. Sản xuất, sử dụng các loại giống cây trồng vật nuôi có năng suất, chất lượng cao, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Đẩy mạnh áp dụng quy trình sản xuất an toàn, chất lượng. Mở rộng về quy mô, diện tích, sản lượng sản xuất theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ, canh tác tự nhiên. Thực hiện truy xuất nguồn gốc, chứng nhận chất lượng, cấp mã số vùng trồng, vùng nuôi, xây dựng thương hiệu, phát triển sản phẩm OCOP để thúc đẩy mở rộng thị trường tiêu thụ. Áp dụng hiệu quả công nghệ tiên tiến sau thu hoạch, chế biến và bảo quản sản phẩm.

Phát triển sản phẩm nông sản chủ lực tham gia xây dựng sản phẩm OCOP, nâng cấp các sản phẩm đã được chứng nhận sản phẩm OCOP lên cao hơn để gia tăng giá trị đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng và tiếp cận thị trường xuất khẩu.

3.8. Phát triển công nghiệp chế biến, bảo quản

Xác định các sản phẩm chủ lực có thể mạnh để sơ chế, chế biến, tăng giá trị sản phẩm nông nghiệp chủ lực; gắn chế biến sản phẩm với phát triển vùng nguyên liệu tập trung.

Khuyến khích, hỗ trợ xây dựng cơ sở bảo quản, sơ chế, chế biến nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Ứng dụng khoa học công nghệ mới, tiên tiến vào chế biến sâu nhằm tạo ra các sản phẩm nông sản chế biến đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm, mang lại giá trị gia tăng cao gắn với chuỗi cung ứng sản phẩm an toàn. Áp dụng quy trình quản lý chất lượng tiên tiến vào hoạt động sản xuất, chế biến tại cơ sở.

3.9. Xây dựng thương hiệu, xúc tiến thương mại, quản lý chất lượng nông, lâm, thủy sản

Tập trung xây dựng và phát triển thương hiệu cho các sản phẩm chủ lực của tỉnh đảm bảo ưu thế cạnh tranh trên thị trường. rà soát tăng cường quản lý chặt chẽ thương hiệu, chứng nhận, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP của tỉnh.

Tăng cường quản lý chất lượng nông, lâm, thủy sản; hình thành các chuỗi cung ứng sản phẩm an toàn đối với các sản phẩm chủ lực. Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại nhằm quảng bá, giới thiệu, mở rộng thị trường cho sản phẩm nông sản chủ lực của tỉnh, sản phẩm OCOP với nhiều hình thức thiết thực và hiệu quả. Hỗ trợ doanh nghiệp, HTX tham gia các chương trình xúc tiến thương mại sản phẩm nông nghiệp chủ lực, sản phẩm OCOP.

3.10. Phát triển và nâng cao hiệu quả của các hình thức tổ chức sản xuất; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Xây dựng và phát triển các hợp tác xã nông nghiệp hoạt động có hiệu quả, ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất, chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm; tập trung phát triển các liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp thông qua vai trò của HTX; hỗ trợ xây dựng các mô hình hợp tác xã kiểu mới. Hỗ trợ HTX chuyển đổi số, trong đó ưu tiên ứng dụng các công nghệ trong sản xuất và tiêu thụ nông sản, ứng dụng công nghệ 4.0 trong quản lý và sản xuất kinh doanh. Đào tạo

thay đổi tư duy, nâng cao kỹ năng tiếp cận công nghệ, tìm kiếm thị trường, liên kết, hợp tác cho đội ngũ Hội đồng quản trị các hợp tác xã.

Thành lập mới các hợp tác xã gắn với vùng sản xuất sản phẩm nông nghiệp chủ lực tập trung nơi chưa có hợp tác xã để thực hiện vai trò tổ chức sản xuất, liên kết thị trường tiêu thụ sản phẩm.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo hướng chuyển dịch chất lượng nguồn nhân lực, nâng cao năng suất lao động cho người dân nông thôn từ sản xuất truyền thống sang hướng sản xuất hàng hóa chất lượng, liên kết, bảo quản, sơ chế, chế biến, đóng gói, nhãn mác sản phẩm...; ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, canh tác tự nhiên và chuyển đổi số trong nông nghiệp.

3.11. Tăng cường thu hút doanh nghiệp hợp tác đầu tư liên kết

Thực hiện tốt công tác tuyên truyền và quảng bá, giới thiệu các dữ liệu tiềm năng, lợi thế về nguồn nguyên liệu, thị trường tiêu thụ, chính sách thu hút đầu tư của tỉnh trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên các phương tiện thông tin và tăng cường hoạt động tìm kiếm, mời gọi các nhà đầu tư nông nghiệp tiềm năng.

Xây dựng các chính sách phù hợp, đủ mạnh để phát huy nội lực các doanh nghiệp trong tỉnh và thu hút các doanh nghiệp, tập đoàn lớn đầu tư phát triển nông nghiệp của tỉnh.

Củng cố năng lực cho các chủ thể tham gia liên kết với các doanh nghiệp để đảm bảo các liên kết được thực hiện một cách bền vững và phát huy tính hiệu quả của các bên tham gia.

3.12. Giải pháp về chính sách hỗ trợ giống cây trồng

- Hỗ trợ tối đa 70% chi phí giống cây trồng, vật tư nông nghiệp để thực hiện cải tạo vườn tạp theo định mức kinh tế kỹ thuật trồng trọt; mức hỗ trợ không quá 35 triệu đồng/ha, mỗi năm hỗ trợ từ 12 - 15 xã, thị trấn thực hiện (trung bình 01 ha/xã, thị trấn, mỗi xã thị trấn từ 3- 5 hộ), cụ thể như sau:

- + Các loại cây ăn quả: Xoài, vải, nhãn, bơ, mít, sầu riêng, ổi, vú sữa...
- + Các loại cây ngắn ngày: Hoa màu, ngô, gừng, nghệ, cây dược liệu...
- + Các loại cây che bóng, trồng phân tán như: Mắc-ca, trâu, xoan nhừ...

3.13. Chính sách hỗ trợ tập huấn kỹ thuật: Hỗ trợ 100% chi phí tổ chức lớp tập huấn, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật thực hiện cải tạo vườn tạp tại địa bàn các xã, thị trấn.

4. Kinh phí thực hiện

4.1. Tổng kinh phí thực hiện Đề án: 19.183 triệu đồng. Trong đó:

- Nguồn các Chương trình mục tiêu Quốc gia, các chương trình, dự án trên địa bàn: 14.423,6 triệu đồng.
- Nguồn ngân sách huyện thực hiện Đề án 2024 - 2028 là: 2.410 triệu đồng.
- Nguồn khác (hộ gia đình, cá nhân, vốn vay tín dụng...): 2.349,4 triệu đồng.

(Chi tiết có phụ lục kèm theo)

4.2. Nguồn kinh phí

- Nguồn các Chương trình Mục tiêu Quốc gia trên địa bàn.
- Nguồn kinh tế sự nghiệp của huyện bổ sung hàng năm khoảng **482** triệu đồng.
- Nguồn của các Tổ chức phi Chính phủ.
- Nguồn Đối ứng hộ gia đình, cá nhân...

5. Hiệu quả kinh tế - xã hội

5.1. Hiệu quả kinh tế

Đề án cải tạo vườn tạp sẽ đảm bảo được quy hoạch, phát triển đa dạng cây trồng, giảm rủi ro khi thị trường biến động, tạo sản phẩm đặc trưng cho từng vùng, địa phương gắn với sản phẩm OCOP, tạo môi liên doanh, liên kết nông dân với nông dân, nông dân với doanh nghiệp sẽ đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn.

5.2. Hiệu quả xã hội

Cải tạo vườn tạp sẽ góp phần mang lại các hiệu quả xã hội thiết thực, thông qua tăng thu nhập bình quân trên một đơn vị diện tích có điều kiện cải thiện đời sống của gia đình và xã hội. Sau khi chuyển đổi sẽ góp phần tăng giá trị sản xuất hàng hóa, xây dựng được chuỗi giá trị, góp phần xóa đói giảm nghèo vươn lên làm giàu, phát triển bền vững.

Thực hiện Đề án sẽ còn góp phần chuyển đổi cơ cấu cây trồng, giảm bạc màu đất, tạo ra vùng sản xuất cây trồng tập trung, tăng chất lượng và sức cạnh tranh cho sản phẩm cây trồng, tạo điều kiện cho đầu ra sản phẩm ổn định.

Đề án cải tạo vườn tạp thành công trên địa bàn huyện sẽ góp phần tăng năng suất và chất lượng vườn cây, giảm nghèo bền vững; hỗ trợ tích cực cho việc thực hiện mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới; giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới của tổ quốc.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Để thực hiện tốt Đề án cải tạo vườn tạp góp phần thực hiện mục tiêu tái cơ cấu ngành nông nghiệp, UBND huyện yêu cầu các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện tốt các nội dung sau:

1. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Là cơ quan thường trực thực hiện Đề án, giúp UBND huyện chỉ đạo, điều hành thực hiện có hiệu quả việc chuyển đổi và chịu trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị theo dõi việc triển khai thực hiện Đề án chuyển đổi; định kỳ tổng hợp tình hình thực hiện, báo cáo UBND huyện.

- Phối hợp với các xã, thị trấn xây dựng nội dung và kế hoạch thực hiện Đề án cụ thể, theo từng năm và giai đoạn trình UBND huyện phê duyệt để tổ chức thực hiện.

- Phối hợp Phòng Tài chính - Kế hoạch rà soát, điều chỉnh bổ sung cơ chế, chính sách thực hiện Đề án và phân bổ nguồn vốn được UBND huyện phê duyệt.

- Chỉ đạo các Trạm Trồng trọt và BVTV, Khuyến nông trên địa bàn hướng dẫn người dân về quy trình kỹ thuật sản xuất, phòng chống dịch bệnh cho cây trồng. Quản lý tốt chất lượng về giống cây trồng, vật tư nông nghiệp và chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm sản phẩm nông nghiệp.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch

Chủ trì, phối hợp với Phòng Nông nghiệp và PTNT tham mưu phân bổ nguồn kinh phí cho việc thực hiện Đề án. Ban hành các văn bản hướng dẫn quản lý, thanh quyết toán nguồn kinh phí theo quy định được HĐND huyện thông qua và UBND huyện phê duyệt.

3. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn

- Trên cơ sở Đề án của huyện, xây dựng kế hoạch thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và tổ chức thực hiện nhằm khai thác tiềm năng và lợi thế.

- Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, quán triệt mục tiêu, nội dung Đề án; các chủ trương, chính sách của tỉnh, huyện về chuyển đổi;

- Chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện cơ cấu sản phẩm, mùa vụ, giống phù hợp với tiềm năng lợi thế của từng xã để nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn;

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về chất lượng vật tư nông nghiệp, an toàn vệ sinh thực phẩm nông lâm sản; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

- Tiếp nhận nguồn kinh phí Đề án của huyện và bố trí, lồng ghép nguồn vốn hỗ trợ phát triển sản xuất các Chương trình, dự án để đảm bảo việc triển khai thực hiện đạt hiệu quả, mục tiêu đề ra; tổ chức hội nghị triển khai, sơ kết hàng năm và các giai đoạn thực hiện Đề án.

4. Đề nghị UBNDTTQVN huyện và các tổ chức đoàn thể huyện

Đề nghị UBNDTTQVN huyện và các tổ chức đoàn thể huyện tuyên truyền người dân, hội viên tham gia tích cực trong thực việc triển khai, thực hiện Đề án. Giám sát, kiểm tra việc thực hiện Đề án tại địa phương mình.

5. Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đóng chân trên địa bàn: Phối hợp với các phòng, ban ngành chuyên môn cấp huyện và Ủy ban nhân dân các xã thị trấn tổ chức thực hiện các nội dung của Đề án.

VIII. KẾT LUẬN

Thực hiện Đề án cải tạo vườn tạp vườn tạp trên địa bàn huyện Hướng Hóa giai đoạn 2024 - 2028 chính là triển khai thực hiện Kết luận số 168-KL/TU ngày 04/11/2021 của Tỉnh ủy về tiếp tục đẩy mạnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp giai đoạn

2021-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị và thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XVII của Đảng bộ huyện.

Sau khi Đề án được thông qua, UBND huyện sẽ xây dựng kế hoạch chi tiết, cụ thể cho các xã, thị trấn trên địa bàn theo lộ trình từng năm và cả giai đoạn để tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:

- Thường vụ Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- UBMTTQVN huyện;
- Chánh, các PVP, CV;
- Các cơ quan, đơn vị, đoàn thể;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Bình Thuận